|  |  |
| --- | --- |
| TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP  THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM  **CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ TU-VINACOMIN**  Số: 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hạ Long, ngày 25 tháng 4 năm 2022* |

**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT**

**Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ TU- VINACOMIN**

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020;*

*Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua vào ngày 26/4/2021;*

*Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2022/BB-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2022 của Công ty Cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Thông qua các báo cáo được trình bày tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, bao gồm:**

1. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2021 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh (SXKD) năm 2022 với các chỉ tiêu chủ yếu sau:

- Kết quả thực hiện SXKD năm 2021:

| **TT** | **Chỉ tiêu** | **ĐVT** | **NQ ĐHĐCĐ**  **năm 2021** | **Thực hiện năm 2021** | **Tỷ lệ**  **(%)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Bóc đất đá | 1.000m3 | 40.000 | 41.961 | 104,9 |
| 2 | Than nguyên khai sản xuất | 1.000 tấn | 2.000 | 2.099 | 104,9 |
| 3 | Than tiêu thụ | 1.000tấn | 2.148 | 2.157 | 100,4 |
| 4 | Doanh thu tổng số | Tr.đ | 3.434.055 | 3.592.045 | 104,6 |
| 5 | Lợi nhuận trước thuế | Tr.đ | 25.984 | 51.488 | 198,15 |
| 6 | Đầu tư xây dựng | Tr.đ | 463.811 | 463.897 | 100,01 |
| 7 | Khả năng thanh toán nợ đến hạn | Tr.đ | 0,59 | 0,8 | 135,6 |
| 8 | Hệ số nợ phải trả | Tr.đ | 5,72 | 3,821 | 66,8 |
| 9 | Thu nhập bình quân | 1000đ/ng-th | 9.525 | 11.954 | 125,52 |
| 10 | Tỷ lệ trả cổ tức/Vốn điều lệ(dự kiến) | % | ≥7% | 12% | 171,42 |

- Kế hoạch SXKD năm 2022 :

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chỉ tiêu** | **ĐVT** | **KH năm 2022** |
| 1 | Đất bóc tổng số | 1000m3 | 44.000 |
| 2 | Than nguyên khai khai thác | 1000 Tấn | 2.500 |
| 3 | Than tiêu thụ | 1000 Tấn | 2.528 |
| 4 | Doanh thu tổng số | Tr.đ | 3.826.489 |
| 5 | Lợi nhuận trước thuế | Tr.đ | 30.260 |
| 6 | Đầu tư xây dựng | Tr.đ | 274.342 |
| 7 | Lương bình quân | 1.000đ/ng-th | 9.746 |
| 8 | Cổ tức | % | ≥7 |

Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị ban hành Quyết định Kế hoạch SXKD năm 2022 để Công ty tổ chức thực hiện. *(Trong đó lưu ý: Các chỉ tiêu này có thể điều chỉnh theo kế hoạch phối hợp SXKD với Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam).*

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý thông qua là: ................ tổng số cổ phần biểu quyết dự họp

1. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2021, phương hướng hoạt động của Hội đồng quản trị 2022.

Trong báo cáo HĐQT đã nêu rõ cần tiếp tục tập trung mọi nguồn lực để hoàn thành nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 đề ra. Tăng cường công tác quản lý, giám sát các hoạt động của Ban điều hành và bộ máy giúp việc Công ty. Tổ chức các phiên họp thường kỳ, bất thường để thảo luận, giám sát và thông qua các báo cáo kết quả hoạt động của Công ty, để chỉ đạo kịp thời và hiệu quả việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT. Tiếp tục rà soát và sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý theo đúng quy định của Nhà nước, Tập đoàn và Công ty. Tăng cường và nâng cao hơn nữa hiệu quả, chất lượng công tác tự kiểm tra, giám sát việc thực hiện, tuân thủ các quy định của pháp luật trong mọi lĩnh vực của hoạt động SXKD nhằm chủ động phòng ngừa, kịp thời phát hiện sơ hở, thiếu sót, không để xảy ra sai phạm hoặc vi phạm. Triển khai các giải pháp đồng bộ để chống lãng phí, thất thoát vốn, tài sản công, thực hành tiết kiệm chi phí; Tiếp tục sắp xếp hoàn thiện cơ cấu tổ chức sản xuất theo hướng gọn nhẹ, phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý thông qua là: ...............% tổng số cổ phần biểu quyết dự họp.

1. Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán.

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý thông qua là: ...................% tổng số cổ phần biểu quyết dự họp.

1. Báo cáo về hoạt động của Ban Kiểm soát và việc giám sát hoạt động quản lý Công ty của Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành; thẩm định báo cáo tài chính sau kiểm toán của Ban kiểm soát Công ty.

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý thông qua là: ............ tổng số cổ phần biểu quyết dự họp.

**Điều 2. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 và kế hoạch chi trả cổ tức năm 2022:**

Đại hội thống nhất tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2021 là 12% vốn điều lệ (*tương đương 1.200 đồng/cổ phần*) và đồng ý trích lập các quỹ năm 2021 với số liệu như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Số tiền (đồng)** | **Ghi chú** |
|  |
| 1 | Lợi nhuận trước thuế | 51.488.100.173 |  |  |
| 2 | Thuế TNDN phải nộp | 33.023.184.500 |  |  |
| 3 | Thuế TNDN hoãn lại | 22.694.682.444 |  |  |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế (4=1-2+3) | 41.159.598.117 |  |  |
| 5 | Lợi nhuận năm 2020 để lại | 30.000.000.000 |  |  |
| 6 | Lợi nhuận phân phối | 71.159.598.117 |  |  |
| a | Chi trả cổ tức 2021: 12 % vốn điều lệ | 29.482.862.400 | Nghị quyết ĐHCĐ từ 7% trở lên |  |
|  |
| b | Số còn lại phân phối các quỹ | 41.676.735.717 |  |  |
| - | *Quỹ thưởng người quản lý Công ty* | *313.993.125* |  |  |
| - | *Quỹ khen thưởng, phúc lợi (1,86 tháng lương BQ)* | *41.362.742.592* | *Quỹ lương BQ : 22,2 tỷ đồng/tháng* |  |
| + | *Quỹ khen thưởng: 60%* | *24.817.645.555* |  |  |
| + | *Quỹ phúc lợi: 40%* | *16.545.097.037* |  |  |

Trường hợp Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty sau thanh tra của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền, có thay đổi so với số liệu Công ty đã báo cáo, ảnh hưởng đến kết quả đánh giá xếp loại doanh nghiệp và Người quản lý, Công ty sẽ thay đổi mức đánh giá và trích quỹ thưởng Người quản lý theo quy định.

Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị hoàn thiện thủ tục và thực hiện chi trả cổ tức cho các cổ đông vào cuối Quý II năm 2022 theo qui định của Pháp luật.

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý thông qua là: ......% tổng số cổ phần biểu quyết dự họp.

**Điều 3. Thông qua thù lao HĐQT, BKS và Người quản lý doanh nghiệp năm 2021.**

- Đại hội thông qua quỹ lương của Người quản lý Công ty và tổng mức thù lao chi trả cho các thành viên HĐQT, BKS trong năm 2021 là 2.511.954.000 đồng, trong đó bao gồm: quỹ tiền lương của Người quản lý Công ty là 2.285.280.000 đồng và Thù lao của HĐQT, BKS là 354.290.000 đồng.

- Đại hội đồng ý mức tiền lương, phụ cấp và thù lao 01 tháng năm 2022 của các chức danh HĐQT, Người quản lý doanh nghiệp và Ban kiểm soát Công ty như sau:

| **TT** | **Chức danh** | **Số lượng (người)** | **Tiền lương giao khoán 1 tháng (đ)** | **Phụ cấp 01 tháng (đ)** | **Thù lao 01 tháng (đ)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **I** | **Hội đồng quản trị** |  |  |  |  |
| 1 | Chủ tịch HĐQT | 1 |  |  | 5.140.000 |
| 2 | UV-HĐQT kiêm nhiệm | 3 |  |  | 4.380.000 |
| 3 | UV-HĐQT độc lập | 1 |  | 21.900.000 |  |
| **II** | **Ban Giám đốc** |  |  |  |  |
| 1 | Giám đốc | 1 | 24.700.000 |  |  |
| 2 | Phó giám đốc | 3 | 21.900.000 |  |  |
| 3 | Kế toán trưởng | 1 | 20.000.000 |  |  |
| **III** | **Ban kiểm soát** |  |  |  |  |
| 1 | Trưởng ban KS | 1 |  |  | 4.580.000 |
| 2 | Thành viên BKS | 2 |  |  | 4.000.000 |

- Tiền lương: Hàng tháng Công ty tạm thanh toán tiền lương của tháng đó cho Người quản lý doanh nghiệp với mức không thấp hơn 80% mức lương hệ số 1 theo giao khoán. Cuối năm căn cứ vào kết quả hoạt động SXKD, quỹ lương được quyết toán của các chức danh trên theo quy định, Công ty thanh toán số tiền lương còn lại cho các chức danh.

- Phụ cấp thành viên độc lập HĐQT được tạm ứng hàng tháng 80%. Cuối năm căn cứ vào kết quả hoạt động SXKD của Công ty và mức độ hoàn thành công việc, Công ty thanh toán số tiền còn lại cho chức danh thành viên độc lập HĐQT.

- Thù lao:

+ Đối với các chức danh kiêm nhiệm HĐQT, Ban kiểm soát là người của Công ty, hàng tháng tạm thanh toán 80% mức thù lao kiêm nhiệm. Cuối năm căn cứ vào kết quả hoạt động SXKD của Công ty và mức độ hoàn thành công việc, Công ty thanh toán số tiền lương còn lại cho các chức danh trên

+ Đối với các chức danh kiêm nhiệm HĐQT và Ban kiểm soát là người đại diện của Tập đoàn, tiền thù lao kiêm nhiệm được thanh toán 01 lần vào cuối năm căn cứ vào kết quả hoạt động SXKD và mức độ hoàn thành công việc của các chức danh. Tiền thù lao của các chức danh trên được chuyển khoản về Tập đoàn theo hướng dẫn tại Công văn số 5559/TKV-TCNS ngày 23/10/2018 của Tập đoàn.

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý thông qua là: .....% tổng số cổ phần biểu quyết dự họp.

**Điều 4. Thông qua các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với doanh nghiệp và người có liên quan trong năm 2022.**

1. ***Kết quả biểu quyết lần 1(Cổ đông TKV tham gia biểu quyết)***

- Tổng số phiếu tán thành: .... phiếu đại diện cho ...... Cổ phần chiếm .....% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp

- Tổng số phiếu không tán thành : .... đại diện cho ... cổ phần chiếm ... % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp

1. ***Kết quả biểu quyết lần 1(Cổ đông TKV không tham gia biểu quyết)***

- Tổng số phiếu tán thành: ... phiếu đại diện cho ..... Cổ phần chiếm ....% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp

- Tổng số phiếu không tán thành : ..... đại diện cho .... cổ phần chiếm .... % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp

**Điều 5. Thông qua điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự án khai thác lộ thiên khu Bắc Bàng Danh**

1. Tên dự án: Dự án đầu tư khai thác lộ thiên khu Bắc Bàng Danh-Công ty Cổ phần Than Hà Tu-Vinacomin.

2. Loại, nhóm dự án sau điều chỉnh:

- Nhóm dự án: Dự án nhóm B.

3. Loại và cấp công trình:

- Công trình mỏ than lộ thiên cấp II.

4. Người quyết định đầu tư: Công ty Cổ phần Than Hà Tu-Vinacomin.

5. Tên chủ đầu tư và các thông tin để liên hệ: Công ty Cổ phần Than Hà Tu-Vinacomin. Địa chỉ: Phường Hà Tu – Thành phố Hạ Long – Tỉnh Quảng Ninh.

6. Địa điểm xây dựng: Phường Hà Tu, Hà Phong, Hà Khánh – Thành phố Hạ Long – Tỉnh Quảng Ninh.

7. Giá trị tổng mức đầu tư sau điều chỉnh: 1.927.125.494 nghìn đồng (Bằng chữ: Một nghìn chín trăm hai mươi bảy tỷ, một trăm hai mươi lăm triệu, bốn trăm chín tư nghìn đồng).

8. Nguồn vốn đầu tư: Vay thương mại và các nguồn hợp pháp của Công ty.

9. Thời gian thực hiện dự án điều chỉnh : Từ năm 2018 ÷ 2023.

10. Nhà thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh: Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư mỏ và công nghiệp – Vinacomin.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty chỉ đạo và phê duyệt các quyết định, các thủ tục tiếp theo để thực hiện Dự án phù hợp với quy hoạch được duyệt và tuân thủ theo các quy định của pháp luật.

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý thông qua là: ..........................% tổng số cổ phần biểu quyết dự họp.

**Điều 6. Thông qua lựa chọn danh sách Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty.**

Đại hội ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định việc chọn một trong ba tổ chức kiểm toán sau đây và giao cho Giám đốc điều hành Công ty ký hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với Công ty kiểm toán được chọn:

1. Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC
2. Công ty TNHH PKF Việt Nam
3. Công ty TNHH kiểm toán BDO

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý thông qua là: ..........................% tổng số cổ phần biểu quyết dự họp.

**Điều 7. Thông qua danh sách đề cử ứng viên thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2022- 2027**

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thống nhất danh sách đề cử nhân sự để bầu thành viên HĐQT và BKS Công ty khoá IV nhiệm kỳ 2022÷2027 như sau:

**\*/ Tham gia ứng cử HĐQT 05 người:**

- Ông ...

- Ông ...

- Ông ...

- Ông ...

- Bà ...

**\*/ Tham gia ứng cử BKS 03 người:**

- Bà ...

- Ông ...

- Bà ...

Đại hội đã biểu quyết với tỷ lệ tán thành: .............. cổ phần, chiếm ............% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

**Điều 8. Thông qua kết quả bầu thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2022- 2027**

***- Danh sách trúng cử thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022- 2027***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ và tên** | **Chức vụ** | **Ghi chú** |
| 1 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |
| 3 |  |  |  |
| 4 |  |  |  |
| 5 |  |  |  |

HĐQT đã bầu Ông .... giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2022÷2027

***- Danh sách trúng cử thành viên BKS nhiệm kỳ 2022- 2027***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ và tên** | **Chức vụ** | **Ghi chú** |
| 1 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |
| 3 |  |  |  |

Ban kiểm soát đã bầu Bà .... giữ chức vụ Trưởng ban kiểm soát Công ty Cổ phần Than Hà Tu-Vinacomin nhiệm kỳ 2022÷2027.

**Điều 9. Triển khai thực hiện Nghị quyết**

Nghị quyết này có liệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 tổ chức ngày 25/4/2022 biểu quyết thông qua.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc điều hành có trách nhiệm chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình phù hợp với quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty.

Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết này tới Đại hội đồng cổ đông tại phiên họp thường niên năm 2023./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***   * UBCK Nhà nước (b/c); * SGDCK HN (b/c); * Tập đoàn TKV (b/c) * Các cổ đông Công ty; * Thành viên HĐQT, BKS; * Đảng ủy, Công đoàn, ĐTN, CCB; * Ban Giám đốc; * Phòng CV đăng trên Website của Công ty; * Lưu: VT, Thư ký Công ty (3). | **TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  **CHỦ TỌA**  **Trần Thế Thành**  **CHỦ TỊCH HĐQT CÔNG TY** |